TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2022/DS-ST
Ngày: 12-4-2022
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Ngọc Hải**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Nga**
2. Bà **Nguyễn Thị Nguyên**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Thành** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà **Vũ Thị Thái** - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 4 năm 2022 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 243/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2022/QĐST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty TNHH Sản xuất và thương mại T**

Địa chỉ: Lô C21/1 đường số 2F, khu công nghiệp V, xã V, TP. HCM.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông **Lương Văn L**, sinh năm 1959

Địa chỉ: 11A LôA1 Cư xá, 155 T, Phường 13, Q.10, TP. HCM.

Và/hoặc Bà **Lê Thị Khánh T**, sinh năm 1979

Địa chỉ: TK 48/13 V, phường C, Quận 1, TP. HCM.

2. Bị đơn: Ông **Võ Đức K,** sinh năm: 1978

Địa chỉ: F10/21K, ấp 6, xã V, huyện B, TP. HCM

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – Công ty TNHH Sản xuất và thương mại T, do Bà Lê Thị Khánh T đại diện trình bày như sau:

Căn cứ vào Hợp đồng dịch vụ số: 01/2019 SNM/ 01 /HĐMB/2019 ký ngày 15/11/2019 giữa Công ty Tvà ông Võ Đức K về việc ông Võ Đức K cam kết sẽ đưa các sản phẩm do Công ty Tsản xuất vào hệ thống phân phối bán lẻ của 03 siêu thị: Lotte, Vinmart và Bách Hóa Xanh chậm nhất vào ngày 10/01/2020 với tổng chi phí là 610.000.000đ (sáu trăm mười triệu đồng) (Sau đây gọi tắt là "HĐDV") và ông Võ Đức K đã nhận đủ số tiền thanh toán trên là: 610.000.000 đ (sáu trăm mười triệu đồng).

Trong quá trình thực hiện, Ông K đã không hoàn thành HĐDV đúng thời hạn đã ký kết là ngày 10/01/2020. Nên giữa ông Võ Đức K và đại diện Công ty Tlà: ông Trần Đình H và bà Đào Thị Kim L đã có cuộc họp giải quyết vào ngày: 22/01/2020 đã lập biên bản có nội dung:

Ông K cam kết hoàn số tiền: 240.000.000đ (hai trăm bốn mươi triệu đồng) vào lúc 12:00 giờ ngày: 24/01/2020 vì ngưng thực hiện dịch vụ đưa sản phẩm vào siêu thị Vinmart.

Ông K cam kết sẽ hoàn thành đưa sản phẩm vào siêu thị Bách Hóa Xanh vào ngày: 28/02/2020. Nếu không hoàn thành sẽ hoàn tiền lại sau 05 ngày (kể từ ngày 28/02/2020).

Ông K cho rằng dịch vụ đưa sản phẩm vào siêu thị Lotte đã hoàn thành.

Ông K tự cam kết rằng: nếu thanh toán không đúng thời hạn sẽ giải quyết thanh toán bằng cách chuyển bộ hồ sơ chuyển nhượng đất (từ bà Nguyễn Thị Thu H sang Ông K) làm tài sản bảo đảm để giải quyết thanh toán với Công ty Tvà chấp nhận sẽ trả lãi suất gấp đôi lãi suất ngân hàng trong thời gian chậm trể thanh toán. Thời hạn thực hiện tối đa là 15 ngày kể từ ngày: 22/01/2020.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện đã không đúng thời hạn như cam kết. Vì vậy, vào ngày: 25/5/2020 giữa ông Võ Đức K và đại diện Công ty Tlà: ông Trần Đình Hải đã có cuộc họp giải quyết và đã lập biên bản có nội dung như sau: Ông K tiếp tục cam kết ngày: 05/6/2020 sẽ hoàn thành đưa sản phẩm vào siêu thị Bách Hóa Xanh.

Nhưng trong quá trình thực hiện vẫn không đúng thời hạn như đã cam kết. Vì vậy vào ngày: 04/8/2020 giữa ông Võ Đức K và đại diện Công ty Tlà: ông Trần Đình H đã có cuộc họp giải quyết và đã lập biên bản có nội dung như sau:

Ông K cam kết sẽ hoàn thành đưa sản phẩm vào siêu thị Bách Hóa Xanh vào tháng 09/2020 sẽ mở offline. Nếu không hoàn thành sẽ hoàn tiền lại cho Công ty T, hạn cuối là ngày 15/9/2020.

Ông K cam kết hoàn số tiền: 240.000.000đ (hai trăm bốn mươi triệu đồng) trong trường hợp không thể thực hiện dịch vụ đưa sản phẩm vào siêu thị Vinmart. Hạn cuối là ngày 15/9/2020. Vào các ngày 26/08/2020, 05/09/2020 và

17/09/2020, Công ty T đã gửi 3 Thư mời cho Ông K đề nghị gặp Ông K để giải quyết tranh chấp nhưng Ông K đều không hồi đáp.

Theo đó, vào ngày 28/10/2020, Công ty Tđã gửi cho Ông K Thông báo chấm dứt hợp đồng và đến ngày 27/11/2020, Công ty Tlần nữa gửi cho Ông K Thông báo chấm dứt hợp đồng lần 2.

Cho mục đích giải quyết tranh chấp, Công ty Tđã gửi thêm 02 Thư thông báo cho Ông K vào ngày 30/12/2020 và ngày 17/01/2021 đề xuất gặp Ông K để giải quyết tranh chấp về việc Ông K không thực hiện đúng theo cam kết của HĐDV và các biên bản làm việc giữa hai bên đã lập vào các ngày 22/01/2020, 25/05/2020 và 04/08/2020. Tuy nhiên, Ông K đã không có mặt tại hai buổi làm việc do Công ty Tđề xuất.

Tính đến thời điểm hiện tại (tháng 03/2021), ông Võ Đức K chưa đưa được bất kỳ một sản phẩm nào của Công ty Tvào hệ thống 03 siêu thị Lotte, Vinmart và Bách Hóa Xanh và cũng chưa hoàn lại bất kỳ khoản tiền nào cho Công ty T.

Liên quan bằng chứng chứng minh Công ty Tthanh toán 610.000.000đ (sáu trăm mười triệu đồng) chi phí dịch vụ cho ông Võ Đức K bằng hình thức nộp tiền vào tài khoản cá nhân của Ông K, cụ thể như sau:

Theo Hợp đồng dịch vụ đã ký ngày 15/11/2019, Công ty Tvà Ông K thỏa thuận ngay sau khi ký hợp đồng, Công ty Tsẽ thanh toán khoản chi phí này cho Ông K.

Vào ngày 18/11/2019, Công ty Tđã chi số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) giao cho bà Tăng Ngọc L (là thủ quỹ của Công ty T) liên hệ ngân hàng Sacombank – Phòng Giao Dịch Bà Điểm để nộp số tiền này vào tài khoản cá nhân của Ông K, với thông tin cụ thể như sau: tên tài khoản: Võ Đức K, số tài khoản: 060088135485, tên ngân hàng: Sacombank – chi nhánh Gò Vấp (Công ty Tđã cung cấp cho Quý tòa bằng chứng thanh toán khoản tiền này là Phiếu chi đề ngày 18/11/2019 của Công ty Tvà Giấy nộp tiền (theo mẫu của ngân hàng Sacombank – liên được lưu giao khách hàng/người nộp tiền).

Vào ngày 20/11/2019, Công ty Tđã chi tiếp số tiền 310.000.000đ (ba trăm mười triệu đồng) giao cho bà Tăng Ngọc L (là thủ quỹ của Công ty T) liên hệ ngân hàng Sacombank – Phòng Giao Dịch Bà Điểm để nộp số tiền này vào tài khoản cá nhân của Ông K, với thông tin cụ thể như sau: tên tài khoản: Võ Đức K, số tài khoản: 060088135485, tên ngân hàng Sacombank – Chi nhánh Gò Vấp (Công ty Tđã cung cấp cho Quý tòa bằng chứng thanh toán khoản tiền này là Phiếu chi đề ngày 20/11/2019 của Công ty Tvà Giấy nộp tiền (theo mẫu của ngân hàng Sacombank – liên được lưu giao khách hàng/người nộp tiền).

Liên quan đến nội dung "Hệ thống Lotte đã xong" được ghi nhận tại trang thứ 2 mục số 3 của Biên bản làm việc lập ngày 22/01/2020 giữa Công ty Tvà Ông K, nay Công ty Tgiải trình nội dung này như sau:

Tại buổi làm việc ngày 22/01/2020, nội dung "Hệ thống Lotte đã xong" là Ông K tự ghi vào biên bản làm việc và 2 bên không có bất kỳ một biên bản xác nhận đã hoàn thành nội dung đưa hàng vào hệ thống Lotte.

Tại các buổi làm việc sau, Ông K chỉ nói miệng là hệ thống Lotte đã xong, nên không ghi nhận vào biên bản. Nhưng thực tế Ông K chưa thực hiện được việc đưa hàng vào Lotte, nên công ty và Ông K không có lập biên bản thanh lý xác nhận đã hoàn thành nội dung đưa hàng vào hệ thống Lotte.

Liên quan đến vấn đề tại sao Công ty Tthanh toán toàn bộ chi phí cho ông Võ Đức K khi Ông K chưa thực hiện được bất kỳ công việc gì.

Lý do cho việc thanh toán này của Công ty Tlà do Công ty Tvà Ông K có ký Hợp đồng dịch vụ số 01/2019 SNM/01/HĐMB/2019 vào ngày 15/11/2019 và tại điều 3 Hợp đồng 2 bên cam kết thời hạn Công ty Tthanh toán phí dịch vụ là vào ngày ký hợp đồng. Tuy sau đó việc thanh toán có chậm trễ vài ngày nhưng hoàn toàn không ảnh hưởng gì đến tiến trình thực hiện hợp đồng. Do đó, chứng minh việc thanh toán của Công ty Tđã thực hiện là theo đúng thỏa thuận của Hợp đồng.

Nay Công ty TNHH Sản xuất và thương mại T yêu cầu:

Chấm dứt Hợp đồng dịch vụ số 01/2019 SNM/01/HĐMB/2019 ký ngày 15/11/2019 giữa Công ty Công ty TNHH Sản xuất và thương mại T và ông Võ Đức K;

Yêu cầu ông Võ Đức K hoàn trả lại số tiền 610.000.000đ (sáu trăm mười triệu đồng) cho Công ty Công ty TNHH Sản xuất và thương mại T;

Yêu cầu ông Võ Đức K thanh toán tiền lãi chậm trả đối với khoản nợ 610.000.000đ (sáu trăm mười triệu đồng) tính từ ngày 15/09/2020 đến ngày 12/04/2022, với lãi suất 10%/năm cho Công ty Công ty TNHH Sản xuất và thương mại T, cụ thể là số tiền: 95.928.767đ (chín mươi lăm triệu chín trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng);

Yêu cầu ông Võ Đức K thanh toán tiền lãi chậm trả đối với tổng khoản nợ phải thanh toán là 705.928.767đ (bảy trăm lẻ năm triệu chín trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng) (gồm khoản nợ gốc là: 610.000.000đ và lãi chậm trả tính đến ngày 12/04/2022 của khoản nợ gốc là: 95.928.767đ) tính từ ngày 12/04/2022 đến ngày hoàn thành nghĩa vụ thanh toán với lãi suất 10%/năm cho Công ty Công ty TNHH Sản xuất và thương mại T.

Tại phiên tòa, Ông Lương Văn Lvà Bà Lê Thị Khánh T có ý kiến trình bày như trên và yêu cầu như sau:

Yêu cầu Chấm dứt Hợp đồng dịch vụ số 01/2019 SNM/01/HĐMB/2019 ký ngày 15/11/2019 giữa Công ty Công ty TNHH Sản xuất và thương mại T và ông Võ Đức K.

Yêu cầu ông Võ Đức K hoàn trả lại số tiền 610.000.000đ (sáu trăm mười triệu đồng) cho Công ty Công ty TNHH Sản xuất và thương mại T.

Yêu cầu ông Võ Đức K thanh toán tiền lãi chậm trả đối với khoản nợ 610.000.000đ (sáu trăm mười triệu đồng) tính từ ngày 15/09/2020 đến ngày 12/04/2022, với lãi suất 10%/năm cho Công ty Công ty TNHH Sản xuất và thương mại T, cụ thể là số tiền: 610.000.000đ x 10% x 574ngày/365ngày =

95.928.767đ (chín mươi lăm triệu chín trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng).

Yêu cầu ông Võ Đức K thanh toán tiền lãi chậm trả đối với tổng khoản nợ phải thanh toán là 705.928.767đ (bảy trăm lẻ năm triệu chín trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng) (gồm khoản nợ gốc là: 610.000.000đ và lãi chậm trả tính đến ngày 12/04/2022 của khoản nợ gốc là: 95.928.767đ) tính từ ngày 12/04/2022 đến ngày hoàn thành nghĩa vụ thanh toán với lãi suất 10%/năm cho Công ty Công ty TNHH Sản xuất và thương mại T.

Thanh toán một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn - Ông Võ Đức K mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty TNHH Sản xuất và thương mại T khởi kiện tranh chấp về hợp đồng dịch vụ với Ông Võ Đức K đây là tranh chấp về hợp đồng dân sư. Ông Võ Đức K cư trú tại huyện Bình Chánh. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ông Võ Đức K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự trên.

[3] Theo Hợp đồng dịch vụ số 01/2019 SNM/01/HĐMB/2019 ngày 15/11/2019 giữa Bên A: Công ty TNHH Sản xuất và thương mại T với Bên B: Ông Võ Đức K, thì Ông K có trách nhiệm tư vấn hỗ trợ đưa sản phẩm của công ty vào các hệ thống siêu thị sau: Lotte, Vinmart, Bách Hóa Xanh, với tổng chi phí Lobby là 610.000.000 đồng, mở mã: ngày 05/01/2020, bán hàng: ngày 10/01/2020; Bên A chuyển khoản số tiền theo thỏa thuận cho Bên B vào ngày ký hợp đồng để thực hiện.

Theo Giấy nộp tiền số TT19322S4CQ2 ngày 18/11/2019 và Giấy nộp tiền số TT19324YSWZP ngày 20/11/2019 của Sacombank – chi nhánh Gò Vấp, thể hiện nội dung: Tăng Ngọc Liên đã nộp chi phí đưa hàng vào siêu thị vào tài khoản số 060088135485, tên tài khoản Võ Đức K với tổng số tiền là 610.000.000 đồng.

Theo Biên bản làm việc ngày 22/01/2020 và Biên bản cam kết ngày 04/8/2020 giữa bên Công ty TNHH Sản xuất và thương mại T với Ông Võ Đức K,

thể hiện Ông K thực hiện dịch vụ không đúng như cam kết theo Hợp đồng dịch vụ ký ngày 15/11/2019 và Ông K cam kết hoàn thiện hợp đồng, nếu không thiện thì hoàn tiền lại, thời gian hoàn tiền cuối cùng là ngày 15/9/2020.

[4] Bên nguyên đơn xác định: Ông Võ Đức K chưa đưa được bất kỳ sản phẩm nào của Công ty Tvào hệ thống 03 siêu thị Lotte, Vinmart và Bách Hóa Xanh và cũng chưa hoàn lại bất kỳ khoản tiền nào cho Công ty T. Vào ngày 28/10/2020, Công ty Tđã gửi cho Ông K Thông báo chấm dứt hợp đồng và đến ngày 27/11/2020, Công ty Tlần nữa gửi cho Ông K Thông báo chấm dứt hợp đồng lần 2.

Yêu cầu Chấm dứt Hợp đồng dịch vụ số 01/2019 SNM/01/HĐMB/2019 ký ngày 15/11/2019 giữa Công ty Công ty TNHH Sản xuất và thương mại T và ông Võ Đức K.

Yêu cầu ông Võ Đức K hoàn trả lại số tiền 610.000.000đ (sáu trăm mười triệu đồng) cho Công ty Công ty TNHH Sản xuất và thương mại T.

Yêu cầu ông Võ Đức K thanh toán tiền lãi chậm trả đối với khoản nợ 610.000.000đ (sáu trăm mười triệu đồng) tính từ ngày 15/09/2020 đến ngày 12/04/2022, với lãi suất 10%/năm cho Công ty Công ty TNHH Sản xuất và thương mại T, cụ thể là số tiền: 610.000.000đ x 10% x 574ngày/365ngày = 95.928.767đ (chín mươi lăm triệu chín trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng).

Yêu cầu ông Võ Đức K thanh toán tiền lãi chậm trả đối với tổng khoản nợ phải thanh toán là 705.928.767đ (bảy trăm lẻ năm triệu chín trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng) (gồm khoản nợ gốc là: 610.000.000đ và lãi chậm trả tính đến ngày 12/04/2022 của khoản nợ gốc là: 95.928.767đ) tính từ ngày 12/04/2022 đến ngày hoàn thành nghĩa vụ thanh toán với lãi suất 10%/năm cho Công ty Công ty TNHH Sản xuất và thương mại T.

Thanh toán một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[5] Căn cứ vào Khoản 4 Điều 422 của Bộ luật dân sự năm 2015, quy định về chấm dứt hợp đồng:

"Hợp đồng chấm dứt trong trường hợp sau đây"

...

4. Hợp đồng bị hủy bỏ, bị đơn phương chấm dứt thực hiện;".

Căn cứ vào Khoản 1, 2, 3 Điều 428 của Bộ luật dân sự năm 2015, quy định về đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng:

"1. Một bên có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trong hợp đồng hoặc các bên có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

2. Bên đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc chấm dứt hợp đồng, nếu không thông báo mà gây thiệt hại thì phải bồi thường.

3. Khi hợp đồng bị đơn phương chấm dứt thực hiện thì hợp đồng chấm dứt kể từ thời điểm bên kia nhận được thông báo chấm dứt. Các bên không phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ, trừ thỏa thuận về phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và thỏa thuận về giải quyết tranh chấp. Bên đã thực hiện nghĩa vụ có quyền yêu cầu bên kia thanh toán phần nghĩa vụ đã thực hiện. ".

[6] Căn cứ vào Điều 516 của Bộ luật dân sự năm 2015, quy định về quyền của bên sử dụng dịch vụ:

"1. Yêu cầu bên cung ứng dịch vụ thực hiện công việc theo đúng chất lượng, số lượng, thời hạn, địa điểm và thỏa thuận khác.

2. Trường hợp bên cung ứng dịch vụ vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thì bên sử dụng dịch vụ có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại".

Căn cứ vào Khoản 1, Điều 517 của Bộ luật dân sự năm 2015, quy định về nghĩa vụ của bên cung ứng dịch vụ:

"1. Thực hiện công việc đúng chất lượng, số lượng, thời hạn, địa điểm và thỏa thuận khác".

[7] Căn cứ vào Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015, quy định về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền:

"1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.".

[8] Căn cứ vào Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, quy định về lãi suất:

"1. Lãi suất vay do các bên thoả thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác liên quan có quy định khác. ...

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.".

[9] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Sản xuất và thương mại T, về việc:

Yêu cầu Chấm dứt Hợp đồng dịch vụ số 01/2019 SNM/01/HĐMB/2019 ký ngày 15/11/2019 giữa Công ty Công ty TNHH Sản xuất và thương mại T và ông Võ Đức K.

Yêu cầu ông Võ Đức K hoàn trả lại số tiền 610.000.000đ (sáu trăm mười triệu đồng) cho Công ty Công ty TNHH Sản xuất và thương mại T.

Yêu cầu ông Võ Đức K thanh toán tiền lãi chậm trả đối với khoản nợ 610.000.000đ (sáu trăm mười triệu đồng) tính từ ngày 15/09/2020 đến ngày 12/04/2022, với lãi suất 10%/năm cho Công ty Công ty TNHH Sản xuất và thương mại T, cụ thể là số tiền: 610.000.000đ x 10% x 574ngày/365ngày = 95.928.767đ (chín mươi lăm triệu chín trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng).

Yêu cầu ông Võ Đức K thanh toán tiền lãi chậm trả đối với tổng khoản nợ phải thanh toán là 705.928.767đ (bảy trăm lẻ năm triệu chín trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng) (gồm khoản nợ gốc là: 610.000.000đ và lãi chậm trả tính đến ngày 12/04/2022 của khoản nợ gốc là: 95.928.767đ) tính từ ngày 12/04/2022 đến ngày hoàn thành nghĩa vụ thanh toán với lãi suất 10%/năm cho Công ty Công ty TNHH Sản xuất và thương mại T.

Thanh toán một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Đức K phải chịu 32.237.151 đồng (ba mươi hai triệu hai trăm ba mươi bảy ngàn một trăm năm mươi mốt đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết.

Hoàn lại cho Công ty TNHH Sản xuất và thương mại T số tiền 15.420.000 đồng (mười lăm triệu bốn trăm hai mươi ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0040180 ngày 15/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 422, Điều 423, Điều 516, Điều 517, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Sản xuất và thương mại T.

Chấm dứt Hợp đồng dịch vụ số 01/2019 SNM/01/HĐMB/2019 ký ngày 15/11/2019 giữa Công ty Công ty TNHH Sản xuất và thương mại T và ông Võ Đức K.

Buộc ông Võ Đức K hoàn trả lại số tiền 610.000.000đ (sáu trăm mười triệu đồng) cho Công ty Công ty TNHH Sản xuất và thương mại T.

Buộc ông Võ Đức K thanh toán tiền lãi chậm trả đối với khoản nợ 610.000.000đ (sáu trăm mười triệu đồng) tính từ ngày 15/09/2020 đến ngày 12/04/2022, với lãi suất 10%/năm cho Công ty Công ty TNHH Sản xuất và thương mại T, cụ thể là số tiền: 95.928.767đ (chín mươi lăm triệu chín trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng).

Buộc ông Võ Đức K thanh toán tiền lãi chậm trả đối với tổng khoản nợ phải thanh toán là 705.928.767đ (bảy trăm lẻ năm triệu chín trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng) (gồm khoản nợ gốc là: 610.000.000đ và lãi chậm trả tính đến ngày 12/04/2022 của khoản nợ gốc là: 95.928.767đ) tính từ ngày 12/04/2022 đến ngày hoàn thành nghĩa vụ thanh toán với lãi suất 10%/năm cho Công ty Công ty TNHH Sản xuất và thương mại T.

Thanh toán một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Đức K phải chịu 32.237.151 đồng (ba mươi hai triệu hai trăm ba mươi bảy ngàn một trăm năm mươi mốt đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

Hoàn lại cho Công ty TNHH Sản xuất và thương mại T số tiền 15.420.000 đồng (mười lăm triệu bốn trăm hai mươi ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0040180 ngày 15/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh.

4. Về quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND TP. HCM;
- VKSND H. Bình Chánh;
- Chi cục THADS H. Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT-HS;

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Ngọc Hải